

Phụ lục II
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC THADS TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105/TB-THADS

TP. Thái Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá Hợp danh Hùng Dũng - Chi nhánh Thái Nguyên
Địa chỉ: địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà HTD, số 279A Phan Đình Phùng, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 91
3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo hồ sơ lý do từ chối (nếu có): 3 - Lý do: Không đáp ứng đủ tiêu chí quy định tại Điều 2 của Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, tính pháp lý và các quy định của pháp luật.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (Bao gồm cả tổ chức đấu giá được lựa chọn)

STT	NỘI DUNG			Mức điểm tối đa	Tên Tổ chức đấu giá tài sản 1	Tên Tổ chức đấu giá tài sản 2	Tên Tổ chức đấu giá tài sản 3

				Công ty đấu giá Hợp danh Hùng Dũng - Chi nhánh Thái Nguyên	Công ty đấu giá hợp danh RBA - Chi nhánh Thái Nguyên	
				Mức điểm tối đa	Điểm đạt được	
I		Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá		23,0	22,0	18
1		Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá		11,0	11,0	10
1.1		Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (Số điện thoại, Fax, địa chỉ thư điện tử...)		6,0	6,0	
1.2		Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện		5,0	5,0	5
2		Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá		8,0	8,0	8,0
2.1		Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá		4,0	4,0	4,0
2.2		Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá		4,0	4,0	4
3		Có trang thông tin điện tử đang hoạt động		2,0	2	2
4		Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến		1,0	0	0
5		Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá		1,0	1,0	1,0
II		Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ		22,0	22,0	22,0

	các nội dung trong phương án)				
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và có hiệu quả cao	4,0	4,0	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0	4,0	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0	3,0	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0	3,0	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	45,0	45,0	44,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu tài sản giá liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	6,0	5,0	5,0	5,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5				
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0			
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0			
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0			
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0			

1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên				
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0	18,0	17,0	
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0			
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0			
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0			
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0			
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	18,0	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3. hoặc 3.3	5,0	4,0	4,0	
3.1	Dưới 03 năm	3,0			
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0			
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0	5,0	5,0	
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0	2,0		
4.1	01 đấu giá viên	1,0	2,0		
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0	2,0	2,0	
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0			
	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá	4,0	4,0	4,0	

5	tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đầu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đầu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đầu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đầu giá tài sản hoặc Thẻ đầu giá viên theo Luật đầu giá tài sản) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>				
5.1	<i>Không có đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0			
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0	3,0	03	
5.3	<i>Từ 03 đầu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0			
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0	2,0	2,0	
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0			
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0			
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0			
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0	5,0	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0	3,0	3,0	
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0			
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0	3,0	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đầu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm n p hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	1,0	1,0	

IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0	3,0	3,0
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	3,0	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0		4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0		5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	5,0	5,0
Tổng số điểm				
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	100	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
2	Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 531/2021/HS-PT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Bản án số 125/2021/HSST ngày 20 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định về việc ủy thác xử lý tài sản số 88/QĐ-CTHADS ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án số 42/QĐ-CTHADS ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi

hành án dân sự thành phố Hà Nội

Căn cứ Quyết định về việc xử lý tài sản ủy thác số 01/QĐ-CTHADS ngày 03 tháng 4 năm 2023; Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định về thi hành án số 12/QĐ-CTHADS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Lệnh kê biên số 19/C03-P12 ngày 30 tháng 5 năm 2019; Biên bản kê biên ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định giải quyết việc dân sự số 11/2024/QĐST-VDS ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản kê biên ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chấp hành viên, Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Thông báo về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản số 91/TB-CCTHADS ngày 04/3/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Nguyên.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá để bán đấu giá tài sản kê biên vụ: Ông Trần Văn Khâm, địa chỉ: Tổ 10, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) như sau:

I. Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức đấu giá được lựa chọn:

1. Tên cơ quan: Công ty đấu giá Hợp danh Hùng Dũng - Chi nhánh Thái Nguyên, địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà HTD, số 279A Phan Đình Phùng, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Vậy, thông báo để Công ty đấu giá Hợp danh Hùng Dũng - Chi nhánh Thái Nguyên biết để liên hệ, ký hợp đồng đấu giá tài sản theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự(để biết);
- Công thông tin điện tử Đấu giá(đăng tải);
- Công TTĐT Cục THADS Thái Nguyên(đăng tải);
- VKSND TPTN (để K/s);
- Chi cục trưởng CCTHADSTPTN (B/c);
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



[Handwritten signature in blue ink]

Đinh Thị Bích Liên

